

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 – 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	9 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

Các đơn vị thành viên

Tên	Mối quan hệ	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Khu đô thị Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sông Đáy – Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết	Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số còn lại Công ty đang ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Bình	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Cẩm Anh
Ông Phạm Vinh Hiền
Ông Trần Văn Long
Bà Lê Hoài Thu

Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; và
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM ANH

Số : /BCKT – TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc, Công ty đang nỗ lực liên hệ với Ông Nguyễn Tất Lạc để xử lý quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng chuyển nhượng. Để thận trọng, Năm 2015 Công ty đã phân bổ 50% khoản thanh toán nói trên vào chi phí kinh doanh trong năm. Trong năm 2016 Công ty tiếp tục phân bổ số tiền 6.000.000.000 đồng vào chi phí kinh doanh. Số tiền còn lại tương ứng 32.511.250.000 đồng đang được công ty ghi nhận là một khoản Chi phí trả trước dài hạn.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên

Số giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1129-2014-045-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Tiến Thành

Số giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1706-2014-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		283.456.199.856	500.074.300.396
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.626.978.203	156.564.748.550
1	Tiền	111		18.201.978.203	139.564.748.550
2	Các khoản tương đương tiền	112		425.000.000	17.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187.364.681.511	211.918.247.218
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02.1	161.037.603.542	180.012.014.328
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.957.341.588	8.789.155.472
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	83.395.292.281	84.142.633.318
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV	Hàng tồn kho	140		77.433.106.968	129.024.420.189
1	Hàng tồn kho	141	V.04	77.433.106.968	129.024.420.189
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		31.433.174	2.566.884.439
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.1	31.433.174	-
2	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	2.566.884.439
B	Tài sản dài hạn	200		255.877.597.049	244.526.567.061
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		11.537.075.394	16.704.646.193
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	11.537.075.394	16.704.646.193
	- Nguyên giá	222		26.111.753.499	26.959.379.558
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.574.678.105)	(10.254.733.365)
III	Bất động sản đầu tư	230	V.07	2.000.000.000	2.919.092.000
	- Nguyên giá	231		2.000.000.000	2.919.092.000
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		3.112.934.951	2.925.525.563
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	3.112.934.951	2.925.525.563
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	206.612.475.612	182.564.475.612
1	Đầu tư vào công ty con	251		177.833.100.000	153.785.100.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.300.000.000	26.300.000.000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		32.615.111.092	39.412.827.693
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.2	32.615.111.092	39.412.827.693
	Tổng cộng tài sản	270		539.333.796.905	744.600.867.457

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		261.061.692.474	469.221.002.810
I	Nợ ngắn hạn	310		258.288.467.474	465.249.677.810
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	178.983.300.418	271.898.165.253
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.473.137.820	118.302.383.394
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	5.480.867.947	3.419.872.470
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	670.264.243	18.230.322.866
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.601.318.589	1.516.679.551
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	51.183.091.449	49.934.737.268
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		896.487.008	1.947.517.008
II	Nợ dài hạn	330		2.773.225.000	3.971.325.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	2.773.225.000	3.971.325.000
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		278.272.104.431	275.379.864.647
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	278.272.104.431	275.379.864.647
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(21.098.433.409)	(21.089.302.618)
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		23.897.888.303	23.897.888.303
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.543.623.137	8.642.252.562
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.719.853.865	5.550.000.000
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.823.769.272	3.092.252.562
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	440		539.333.796.905	744.600.867.457

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng



LÊ HOÀI THU

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017

Phó Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM ANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	496.893.847.065	940.729.350.743
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.01	496.893.847.065	940.729.350.743
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	462.040.086.161	870.482.775.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		34.853.760.904	70.246.575.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.965.901.090	19.579.267.774
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.270.983.231	6.831.481.294
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.270.983.231	6.831.481.294
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		33.027.535.180	81.544.922.950
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		6.521.143.583	1.449.438.841
11. Thu nhập khác	31	VI.05	4.113.685.007	3.087.857.713
12. Chi phí khác	32	VI.06	640.125.944	1.452.374.941
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.473.559.063	1.635.482.772
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.994.702.646	3.084.921.613
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	4.170.933.374	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(7.330.949)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.823.769.272	3.092.252.562
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng



LÊ HOÀI THU

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017
Phó Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM ANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	9.994.702.646	3.084.921.613
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	4.601.315.052	4.331.678.028
- Các khoản dự phòng	3	-	18.307.667.400
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(6.253.280.616)	(20.351.995.047)
- Chi phí lãi vay	6	2.270.983.231	6.831.481.294
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	10.613.720.313	12.203.753.288
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	27.120.450.146	(4.349.446.343)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	51.591.313.221	(68.225.723.098)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(211.905.483.121)	118.308.451.234
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	6.766.283.427	39.208.627.948
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.270.983.231)	(6.831.481.294)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.355.514.258)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(1.051.030.000)	(2.587.590.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(121.491.243.503)	87.726.591.735
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(187.409.388)	(12.814.250.563)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	772.727.273	772.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.048.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	56.877.690
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.965.901.090	19.579.267.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.496.781.025)	7.594.622.174
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	210.642.570.908	434.260.837.362
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(210.592.316.727)	(441.216.976.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	50.254.181	(6.956.139.287)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(137.937.770.347)	88.365.074.622
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	156.564.748.550	68.199.673.928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	18.626.978.203	156.564.748.550

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng



LÊ HOÀI THU

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017
Phó Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM ANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

Các hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi và thi công cơ giới các công trình của công ty thông thường là trên 12 tháng.

Các chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2016, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

11. Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành theo khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu giữa 2 bên.

Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

13. Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	131.193.401	123.181.032
Tiền gửi ngân hàng	18.070.784.802	139.441.567.518
Các khoản tương đương tiền	425.000.000	17.000.000.000
-Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	425.000.000	17.000.000.000
Cộng	18.626.978.203	156.564.748.550

2 Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>155.050.883.697</i>	<i>175.438.937.658</i>
BV răng hàm mặt TPHCM	-	7.402.501.100
NHCT TPHCM - Phần ngầm	26.988.000	2.097.066.097
Bệnh viện Chợ Rẫy - TTâm Ung Bướu	32.665.487.972	57.080.299.795
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai Phần thân	24.133.873.000	13.357.655.000
Trường ĐH công nghệ thông tin	4.307.885.053	6.673.476.939
Trạm trung chuyển Bến xe Kim Mã	2.744.705.664	-
Trường ĐH Y tế công cộng	13.272.322.000	3.572.000.000
Kè suối Sãn Máu	9.406.146.061	1.874.385.000
Trường tài chính - Lớp học. giảng đường...	8.094.410.200	-
Bệnh viện châm cứu TW	-	14.129.067.000
VCB Tây Ninh	3.042.189.086	3.042.189.086
Trụ sở chính Ngân hàng CT VN	13.228.781.986	31.272.887.713
Công ty cổ phần HANCORP	6.278.628.845	327.494.000
Đối tượng khác	37.849.465.830	34.609.915.928
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>5.986.719.845</i>	<i>4.573.076.670</i>
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	5.986.719.845	4.573.076.670
Cộng	161.037.603.542	180.012.014.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	83.395.292.281	61.025.555.900	84.142.633.318	61.025.555.900
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	686.902.715	-	6.629.057.652	-
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Phải thu khác	6.898.743.676	-	1.703.929.776	-
	83.395.292.281	61.025.555.900	84.142.633.318	61.025.555.900

- (i) Bao gồm Gốc vay và lãi vay Công ty cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.
- (ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).
- (iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC - PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

4 Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	77.433.106.968	-	129.024.420.189	-
Cộng	77.433.106.968	-	129.024.420.189	-

5 Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
5.1 Ngắn hạn	31.433.174	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31.433.174	-
5.2 Dài hạn	32.615.111.092	39.412.827.693
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	103.861.092	901.577.693
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	38.511.250.000
Cộng	32.646.544.266	39.412.827.693

(*) Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2016/BB-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2016, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	788.142.094	19.028.794.468	6.778.122.247	364.320.749	26.959.379.558
- Thanh lý, nhượng bán	-	(847.626.059)	-	-	(847.626.059)
Số dư cuối năm	788.142.094	18.181.168.409	6.778.122.247	364.320.749	26.111.753.499
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					-
Số dư đầu năm	179.892.164	8.563.535.527	1.148.170.698	363.134.976	10.254.733.365
- Khấu hao trong năm	197.679.204	3.500.227.675	902.222.400	1.185.773	4.601.315.052
- Thanh lý, nhượng bán	-	(281.370.312)	-	-	(281.370.312)
Số dư cuối năm	377.571.368	11.782.392.890	2.050.393.098	364.320.749	14.574.678.105
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					-
1. Tại ngày đầu năm	608.249.930	10.465.258.941	5.629.951.549	1.185.773	16.704.646.193
2. Tại ngày cuối năm	410.570.726	6.398.775.519	4.727.729.149	-	11.537.075.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Tăng giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	2.919.092.000	2.919.092.000
- Thanh lý nhượng bán	919.092.000	919.092.000
Số dư cuối năm	2.000.000.000	2.000.000.000
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		-
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI		-
1. Tại ngày đầu năm	2.919.092.000	2.919.092.000
2. Tại ngày cuối năm	2.000.000.000	2.000.000.000

8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	<u>3.112.934.951</u>	<u>2.925.525.563</u>
Cộng	<u>3.112.934.951</u>	<u>2.925.525.563</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm			Đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
9.1 Đầu tư vào Công ty con	177.833.100.000	-	177.833.100.000	153.785.100.000	-	153.785.100.000
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	9.060.000.000	-	9.060.000.000	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	165.484.580.000	-	165.484.580.000	141.436.580.000	-	141.436.580.000
Công ty Cổ phần Sản xuất cửa Hoa kỳ	3.288.520.000	-	3.288.520.000	3.288.520.000	-	3.288.520.000
9.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
9.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.200.500.000	-	6.200.500.000	6.200.500.000	-	6.200.500.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty CP XNK thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	210.333.600.000	3.721.124.388	206.612.475.612	186.285.600.000	3.721.124.388	182.564.475.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10 Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	162.499.378.673	162.499.378.673	243.606.988.828	243.606.988.828
Nguyễn Sơn Cương	7.349.521.887	7.349.521.887	19.790.700.438	19.790.700.438
Phạm Vinh Hiền	3.691.578.248	3.691.578.248	6.135.925.236	6.135.925.236
Nguyễn Phúc Thịnh	4.188.813.117	4.188.813.117	4.219.751.690	4.219.751.690
Nguyễn Anh Học	4.099.760.212	4.099.760.212	4.136.259.812	4.136.259.812
Lê Quốc Tuấn	17.613.082.921	17.613.082.921	15.004.298.326	15.004.298.326
Nguyễn Thăng Long	1.668.524.079	1.668.524.079	2.033.750.728	2.033.750.728
Vũ Hoàng Nam	1.864.084.288	1.864.084.288	2.132.288.446	2.132.288.446
Nguyễn Hồ Vinh	2.904.304.065	2.904.304.065	3.508.510.742	3.508.510.742
Lưu Hoàng Long	3.731.038.288	3.731.038.288	15.589.770.585	15.589.770.585
Lê Văn Hùng	12.556.413.536	12.556.413.536	3.380.240.298	3.380.240.298
Nguyễn Thành Huy	4.839.758.640	4.839.758.640	2.150.462.203	2.150.462.203
Ban Vật Tư (Trương Trung Nghĩa)	39.107.410.315	39.107.410.315	103.019.160.615	103.019.160.615
Nguyễn Hoàng Quý	3.033.086.615	3.033.086.615	7.696.698.842	7.696.698.842
Nguyễn Văn Sơn	1.722.381.003	1.722.381.003	5.254.322.106	5.254.322.106
Phạm Sỹ Tôn	4.767.105.800	4.767.105.800	10.041.637.783	10.041.637.783
Nguyễn Ngọc Tú	1.883.954.512	1.883.954.512	3.512.099.051	3.512.099.051
Bùi Lâm Tùng	2.067.530.400	2.067.530.400	3.094.320.525	3.094.320.525
Trường tài chính HCM	10.153.511.316	10.153.511.316	-	-
Đối tượng khác	35.257.519.431	35.257.519.431	32.906.791.402	32.906.791.402
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	16.483.921.745	16.483.921.745	28.291.176.425	28.291.176.425
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	15.311.093.970	15.311.093.970	19.132.044.666	19.132.044.666
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	16.711.832	16.711.832	80.970.464	80.970.464
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	1.156.115.943	1.156.115.943	9.078.161.295	9.078.161.295
	178.983.300.418	178.983.300.418	271.898.165.253	271.898.165.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	3.373.391.908	13.628.694.146	13.720.337.519	3.281.748.535
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.526.447.632	2.355.514.258	2.170.933.374
- Thuế thu nhập cá nhân	46.480.562	386.946.627	405.241.151	28.186.038
	3.419.872.470	18.542.088.405	16.481.092.928	5.480.867.947

12. Chi phí phải trả ngắn hạn (trang 22)

13. Phải trả phải nộp khác (trang 22)

14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng chi trả</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng chi trả</i>
Ngắn hạn	51.183.091.449	51.183.091.449	210.642.570.908	209.394.216.727	49.934.737.268	49.934.737.268
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	45.771.176.449	45.771.176.449	136.911.147.129	99.405.395.585	8.265.424.905	8.265.424.905
Ngân hàng TMCP Công thương (2)	5.400.000.000	5.400.000.000	68.334.490.041	98.661.831.564	35.727.341.523	35.727.341.523
Ngân hàng Indovina	11.915.000	11.915.000	5.396.933.738	11.326.989.578	5.941.970.840	5.941.970.840
Dài hạn	2.773.225.000	2.773.225.000	-	1.198.100.000	3.971.325.000	3.971.325.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	2.773.225.000	2.773.225.000	-	1.198.100.000	3.971.325.000	3.971.325.000
Cộng	53.956.316.449	53.956.316.449	210.642.570.908	210.592.316.727	53.906.062.268	53.906.062.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo thông báo hạn mức tín dụng ngày 25/05/2016. Giá trị hạn mức tín dụng cấp cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam là 180 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 24/05/2017. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay: cho vay, phát hành bảo lãnh, phát hành LC, xác nhận cung cấp tín dụng phục vụ hoạt động xây lắp của công ty. Biện pháp đảm bảo vay: thế chấp Ô tô Mercedes - benz BKS 30A - 756.39 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, giá trị 1,571 tỷ đồng; Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, số lượng 8.158.000 cổ phiếu, giá trị định giá 81,58 tỷ đồng; Giá trị sản lượng dở dang và quyền đòi nợ từ các công trình MB tài trợ.

(2) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo Giấy nhận nợ số 35 ngày 08/12/2016 (Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HĐTD/NHCT146-HONGHA VN ngày 22/07/2015 giữa Công ty CP Hồng Hà Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) . Khoản nợ giải ngân theo Giấy nhận nợ : 5.400.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất vay vốn 7%/năm.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 213.15.003.5466.TD ngày 03/03/2015. Giá trị hạn mức tín dụng cấp cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam là 14.073.000.000 đồng. Mục đích vay phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC, cho vay để khách hàng mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội theo từng kế ước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Ngắn hạn	670.264.243	18.230.322.866
Trích trước chi phí công trình	670.264.243	18.230.322.866
Cộng	670.264.243	18.230.322.866

13 Phải trả khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Ngắn hạn	1.601.318.589	1.516.679.551
Kinh phí công đoàn	236.392.240	170.003.580
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	200.012.008	147.074.738
Cổ tức chưa trả	677.381.000	699.741.000
Phải trả, phải nộp khác	487.533.341	499.860.233
Cộng	1.601.318.589	1.516.679.551

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. Vốn chủ sở hữu**14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
- Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.080.016.072)	22.458.467.736	4.082.251.900	5.694.076.470	270.851.554.534
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	3.092.252.562	3.092.252.562
- Tăng khác	-	-	(9.286.546)	1.439.420.567	150.000.000	-	1.580.134.021
- Phân phối LNST	-	-	-	-	-	(144.076.470)	(144.076.470)
- Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	23.897.888.303	4.232.251.900	8.642.252.562	275.379.864.647
- Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	23.897.888.303	4.232.251.900	8.642.252.562	275.379.864.647
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	5.823.769.272	5.823.769.272
- Tăng khác	-	-	(9.130.791)	-	-	-	(9.130.791)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.922.398.697)	(2.922.398.697)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.098.433.409)	23.897.888.303	4.232.251.900	11.543.623.137	278.272.104.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

15.3. Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	<u>18.100.000</u>	<u>18.100.000</u>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

15.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	23.897.888.303
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	4.232.251.900
Cộng	<u>28.130.140.203</u>	<u>28.130.140.203</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	10.848.679.383
Doanh thu hợp đồng xây dựng	489.558.390.439	928.741.162.268
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.579.951.171	1.139.509.092
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	755.505.455	-
Cộng	<u>496.893.847.065</u>	<u>940.729.350.743</u>

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	10.848.679.383
Giá vốn của hoạt động xây dựng	456.113.570.204	858.496.765.402
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.007.423.957	1.137.330.647
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	919.092.000	-
Cộng	<u>462.040.086.161</u>	<u>870.482.775.432</u>

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	260.809.075	3.980.743.209
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.590.085.000	15.552.872.437
Doanh thu hoạt động tài chính khác	115.007.015	45.652.128
Cộng	<u>6.965.901.090</u>	<u>19.579.267.774</u>

4 Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.270.983.231	6.831.481.294
Cộng	<u>2.270.983.231</u>	<u>6.831.481.294</u>

5 Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản	847.943.380	772.727.273
Thu nhập khác	3.265.741.627	2.315.130.440
Cộng	<u>4.113.685.007</u>	<u>3.087.857.713</u>

6 Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	566.255.747	-
Chi phạt nộp thuế	-	1.452.374.941
Chi phí khác	73.870.197	-
Cộng	<u>640.125.944</u>	<u>1.452.374.941</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.994.702.646	3.084.921.613
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	10.859.964.224	(3.084.921.613)
Thu nhập chịu thuế	20.854.666.870	-
Thuế TNDN phải nộp - 20%	4.170.933.374	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (20%)	4.170.933.374	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các bên liên quan****Trong năm hoạt động, Công ty phát sinh các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:**

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với bên liên quan</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	38.928.718.305	72.012.699.930
	Công ty con	Nhận cổ tức	906.000.000	362.400.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.112.498.750	320.372.846.532
	Công ty con	Nhận cổ tức	5.534.085.000	14.427.987.000
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.733.986.158	31.255.695.480

Số dư các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	<i>Số dư tại</i>	
			<i>Ngày 31/12/2016</i>	<i>Ngày 01/01/2016</i>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số V.02)				
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Phải thu từ bán hàng hóa, dịch vụ	5.986.719.845	4.573.076.670
Trả trước cho người bán:				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	3.361.714.108	2.578.730.490
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	197.949.200	1.780.000.000
			3.559.663.308	4.358.730.490
Phải trả người bán (Thuyết minh V.10)				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	15.311.093.970	19.132.044.666
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	16.711.832	80.970.464
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	1.156.115.943	9.078.161.295
			16.483.921.745	28.291.176.425
Người mua trả tiền trước				
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Ứng trước tiền cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-	4.177.658.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long TDK.

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng



LÊ HOÀI THU

Phó Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM ANH